

Thích Tuệ Sĩ

TU GIỚI

Phật pháp như thu hoạch hay, nhưng tùy theo căn bản. Có điều, không phải như thu hoạch Tây, được bao nhiêu thì đem bán thì đem lo tất các nghiệp bất thiện dùng như vậy, chỉ khác nhau về căn bản tùy theo thời trạng của mỗi người. Phật pháp tuy cũng một pháp môn có thể được truy n truy cho nhiều người như nhau, nhưng để cho sự thực hành có hiệu quả hơn, cũng cần phân biệt thành phần xã hội, trình độ nhận thức, và kinh nghiệm từng trải của mỗi người mà phụng pháp thực hành có thể một vài sai khác.

Bát quan trai giới cũng trong trường hợp như vậy. Tất nhiên, Phật dạy giới này áp dụng chung cho tất cả các Phật tử tại gia, không phân biệt Phật tử này thu hoạch thành phần hay đem góp xã hội nào. Nhưng vì trình độ nhận thức, và nhu cầu lý do khác nhau, một Phật tử nhận thức ý nghĩa của giới pháp một cách cá biệt, và do đó thời giới và phạm vi phạm riêng biệt.

Đó có thể hiểu rõ sự khác biệt này, trước hết chúng ta nói về chế tu.

Mỗi người đến chùa cầu thọ bát quan trai giới đều có một ý niệm như nhau, là mình đang tu giới. Nhưng, thời nào là tu?

Đối với những Phật tử lười tu, khi mà trách nhiệm đối với đời coi như không đáng kể, đối với các việc này, tu là cầu phúc. Tu giới ở đây đem nghĩa với tu phúc. Tức là thời giới pháp của Phật để gieo trồng quả phúc, hy vọng đời sau được hạnh phúc. Có người muốn đời sau sang giàu hơn, hoặc thông minh, hoặc có địa vị xã hội cao hơn, cho đời, làm vua làm chúa. Cũng có người mong muốn đời sau được nhiều thuận duyên, được hạnh và thâm hiểu Phật pháp, do đó trình độ tu tập cao hơn.

Đối với các Phật tử như vậy, tu bát quan trai đến giới là đến xin giới, rồi thực tập quá đỗi, trang trọng bằng bình bát cúng dường mong phụng pháp Tam bảo. Do tính cách trang trọng, và

Những bài kinh chú cúng dường linh thiêng, nên sẽ mang đến nhiều phước báo hơn là tự mình cúng Phật ở nhà. Ngoài việc cúng dường trong khi thọ thọ cữ nhứt y, Phật tử thọ trì bát quan trai không cần học hỏi gì thêm về bốn chữ tắt của giới pháp, ý nghĩa của từng giới và thọ giới. Cho nên, cũng không cần biết công năng của giới này có thể đem đến phước báo cao hơn nữa, mà cao nhất là đem ơn quả vô lượng Niết bàn.

Quan niệm thông thường của thế gian cho rằng tu là sửa: đi ác làm lành, cải tà quy chánh. Đây là một tiêu cực của chơn tu. Tu thân để tột gia, mà cứu cánh cũng chỉ là bình thiên hạ. Cứu cánh cũng chỉ là nên quở trong thế gian này, thắng trở lại theo con sông vô thường biến đổi, mang theo trong thân và tâm dục vọng khó xóa nhòa của quá khứ tham, sân, si, vô minh phiền não, cứu u u.

Giới bát quan trai được Phật thuyết cho các Thánh đệ tử; những người tuy sống đời tại gia, học ngữ ngôn của thế gian, nhưng tâm đã vượt lên trên Thánh đạo. Trong ý nghĩa này, tu có nghĩa là phát triển, làm cho bốn thân càng lúc càng cao thượng ngang tầm Thánh đạo, để càng lúc càng nhìn thấy rõ được chân đạo của Niết bàn. Tu như vậy là tu giới, tu đức hạnh và tu huân. Ba kho báu tu tạo thành một chuỗi quan hệ liên tục.

Có người nói: tu cốt tại tâm. Điều này đúng một phần. Nhưng nếu không biết huân luyện thân, khuếch phát nó không buông lung theo bốn năng vọng ngữ; ý thức mà nói đến sự tu tâm thì nhiều có vẻ không thực. Tu thân, chính là tu giới. Tu tâm chính là tu đức hạnh. Có đức hạnh mới dần dần huân phát sinh.

Tại sao nói tu thân là tu giới? Trong năm giới của tại gia, và tám giới của cư sĩ thọ bát quan trai, những điều cần học là ngăn chặn thân và khẩu không làm những sự xấu ác.

Tu giới, đây là trau dồi đạo đức; cũng có thể nói là tu sửa thân tâm, trau dồi phẩm chất đạo đức để cuộc sống của mình thanh cao hơn. Tu đức hạnh, tự nhiên là không phải tu sửa đức hạnh rồi. Tu đức hạnh là tu tập để phát triển năng lực làm chơn thân tâm; tập trung tập thiền, không buông lung tâm ý, để tăng cường khả năng nhận thức, khai mở trí tuệ. Cuộc cùng là tu huân, cũng không có nghĩa là tu sửa huân mà có nghĩa là phát triển và nâng cao nhận thức của mình, mà tập m một của mình để thấy rõ sự vật.

Trong cái ý nghĩa tu giới, ta hỏi “giới là gì?” Thông thường ta hiểu giới là những điều ngăn cấm.

Nhưng trong kinh Phật thì giới còn có nhiều nghĩa hơn thế nữa. Giới, ý nghĩa chính của nó, đó là cái phạm giá của con người. Trì giới là giữ gìn cái phạm chết đuối đuối của mình, cái giá trị con người của mình.

Tu tập giới là nâng cao phạm giá con người của mình. Nói thông thường là phạm chết đuối đuối, cái làm nên giá trị con người.

Phạm chết con người là thế nào? Ta sinh ra trong xã hội loài người: sống, lớn lên và chết. Với người bình thường, không làm việc ác gây tai hại cho mình, cho xã hội, giữ cuộc đời mình trong vòng chết không hại hơn mình đã làm hại người khác. Đói khổ đời chết cao bằng mức ý.

Nhưng tu giới của người Phật tử là nâng phạm chết con người cao hơn nữa, vượt lên trên giá trị con người hiện tại.

Làm sao ta có thể vượt qua giới hơn con người? Mọi người sinh ra với mục đích gì? Cha mẹ sinh ra ta; lớn lên, có gia đình; có bạn bè đến với gia đình, đời với xã hội, làm thế nào cho gia đình được hạnh phúc và đóng góp cho xã hội được bình an. Như vậy là đời.

Nếu tu tập giới, thân thể có cái cao quý hơn thế nữa.

Cái này không thể nói trong một vài lời mà phải bằng kinh nghiệm sống, kinh nghiệm tu tập của mình; mọi biết thế nào là cao hơn. Ở dưới chân núi không có tầm mắt nhìn, chỉ thấy đến ngọn cây; nhưng có người leo lên đỉnh núi, mọi biết là đỉnh núi cao.

Có thể mình không ý thức mình lên cao đến đâu, nhưng một thời gian sau bằng quá trình tu tập thì có thể thấy. Tu giới phải ý thức như vậy mọi thấy có hiểu quả, còn không thì tu giới chỉ làm việc lành giới là đi u hành: làm đi u tập với quả báo đời sau sinh ra giàu sang hơn, hạnh phúc hơn, sáu căn đầy đủ, thông minh hơn. Dù có thông minh đến đâu, như nhà bác học, vua chúa, thì cũng chỉ trong phạm vi con người, không chiến thắng cái già, cái chết, còn nhiều cái không chiến thắng, nghĩa là mình vẫn làm nô lệ cho một cái gì đó mà mình không biết.

Một người sinh ra trong một gia đình làm nô lệ cho người khác; cha mẹ làm nô lệ, cộng đồng họ làm nô lệ, lên lên mình cũng không biết làm nô lệ cho cái gì.

Chỉ có người nào đến một đường một lối, chỉ cho biết giá trị của con người, mới biết là mình nô lệ mà tìm cách thoát khỏi thân phận nô lệ của mình. Chúng ta cũng thế: sinh ra để đi, trăm đi nghìn đi quen nô lệ cho một số cơ thể nào đó mình không hiểu được, chỉ là ai hiểu, chỉ là ai thấy được. Quen như vậy, chấp nhận thân phận đó.

Giống như đứa trẻ sinh ra biết khóc. Họ nhún nhún cho nó là được người bên đường lạ, và gái. Càng gái càng thấy đã ngứa; nhưng càng gái thì càng thêm lạ lẫm. Bà con thân nhân thấy tội nghiệp, mua sắm những phúc an lạc cho nó, nên đứa trẻ càng ngứa. Nó la khóc, nói rằng: chú bác, cha mẹ, hung ác; nó đang ngứa mà không cho gãi; đang ngứa bên lạ mà hôm nay mà mang nó đi đâu, hành hạ nó. Về sau, khi lành hết ngứa; bấy giờ biết sờ tay gãi nó cũng không dám gãi; biết ngứa bên lạ thì nó nói là nóng quá, đi chỗ khác ngứa.

Chúng ta là những người đang chìm đắm trong bùn lầy hôi thối, nhưng mấy ai thấy rõ chúng ta đang sống trong bùn lầy? Khó thấy lắm. Như đứa bé sắp xuống bãi sông, thấy lún thì mừng, nói là đất lún hay quá; đến khi ngập thì mới khóc được.

Đức Phật bằng nhiều phương tiện cứu vớt chúng sinh ra khỏi vũng sinh sinh tử đó. Về lên rồi, Ngài khuyên cho tất cả chúng sinh có cái gì, xông ướp bằng những hương thơm của đức Phật, và cho đeo tràng hoa chuỗi ngọc bằng huân. Sau đó người này mua đi đâu thì đi, với một thân hình sạch sẽ thơm tho, bằng vòng hoa chuỗi ngọc, trở thành một con người cao quý, tham dự tất cả chúng hội nào; các triều đình vua chúa cũng mời được.

Hiểu được mình đang trong sinh lầy, hiểu được thế nào là nguần nguần trong cái gì, những hương thơm của đức Phật và thế nào là tràng hoa an lạc của huân. Điều này phải hành mới thấy được.

Hành đầu tiên đó là thấy giới. Tùy căn cứ Phật đặt ra nhiều cấp bậc giới. Nhưng mọi người sinh ra với thể xác khác nhau; người này yếu, thân hình chỉ 35 kg, thì vác 20 kg; người này mập mạp như khỉ có thể vác cả trăm kg. Giới luật được đặt ra cũng vậy. Tùy theo căn cứ, theo trình độ, năng lực để đặt hay không cho.

Ngươi học giới theo Phật như đũa tra đi, tất nhiên phải té; nếu không có bàn điều chỉnh; không thể tự mình ráng gồng ngẩy đi, không thể không té ngã.

Ngươi tu Phật cũng thế. Thế giới, có thể phạm rất nhiều; nhưng biết là phạm thì phải sửa. Không ai sinh ra mà đi đứng c liến; dù con vua nếu đi mà cung nhân không đỡ thì cũng té và cũng khóc thối. Nhưng bạn năng té thì đừng dấy. Có người không nghĩ lúc té xong nằm luôn, không đứng dậy nữa. Nhưng người tu Phật ban đầu tình thế, nhưng một thời gian sau thoái hóa, đũa tra, không bao giờ đứng dậy nữa.

Vì vậy, để bạn đi căn bản, Phật chế ngũ giới.

Nâng cao lên một bậc nữa là bát quan trai giới.

Ý NGHĨA BÁT QUAN TRAI

Bát quan trai, theo nghĩa đen chữ Hán, là tám điều kiêng cữ, nhưng là tám cửa để chặn đứng các pháp bất thiện. Giới bát quan trai chính xác đúng là giới cấm trộm. Nghĩa là, sống gần gũi sống xuất gia, gần chùa chiền, gần nơi thanh tịnh. Tiếp quen với điều sống thanh tịnh để thay đổi giá trị.

Còn cao hơn nữa, cấm trộm đúng là hiểu là tiếp sống gần gũi sống một vị A La Hán, là bậc Thánh xuất thế gian.

Ngoài nghĩa cấm trộm, giới bát quan trai còn đúng là giới bất sát hay tránh giết: trì giới làm phát triển phần thanh tịnh, nhưng đức tính tốt trong mình.

Cùng một chế nhưng hai nghĩa: cấm trộm, sống gần gũi để sống cao thượng của một bậc Thánh. Vì người xuất gia tất cả giới luật là khuôn mẫu để đo đạc đo lường sống của một vị A

La Hán. Mặc dù tâm trí của người này có thể còn nhiều ham muốn, nhúng bên ngoài, đi đứng nể nang, tác phong dè dặt, thế nhưng xuyên suốt theo giáo pháp của Thánh nhân, hành theo Thánh nhân. Người tại gia không thể làm được như vậy, mà chỉ có thể tập dần, tập làm quen. Giáo pháp này có một niềm tin rằng thế gian này chắc chắn có bậc thánh, có vị A La Hán, là bậc Chân nhân đứng đầu toàn vũ trụ, dù tất cả tham, sân, si; sống luôn luôn an lạc, không còn bị chìm đắm trong cõi luân hồi đau khổ. Đó là niềm tin hướng theo pháp, tập đó mà tìm thấy ý nghĩa và hướng đi cho đời sống của mình.

Tập theo pháp này, có thể phát triển tính lành, không cần cấm sát sanh, không cần cấm trộm cắp, mà tự nhiên mình sẽ không làm việc đó vì tin pháp có một giá trị rất cao mà mình đang hưởng. Đó là nghĩa tích cực của giới. Cho nên, giới không đơn thuần có ý nghĩa tiêu cực là sự cấm đoán. Tuy rằng, khi hành giới người hành đức độ là không nên làm điều này, hãy nên làm điều kia.

Người khôn ngoan, có trí trong đời, biết rõ đâu là con đường chí thiện, là đường tốt đẹp mình đi. Đâu là con đường xấu, tự mình tránh; không cần ai cấm. Đó là hạnh giới cho người hiểu biết; có trí tuệ. Còn đối với người không đủ năng lực để phân biệt những gì là cao thượng và thấp kém, thì những sự cấm cần là cần thiết. Những người không khôn ngoan khi thấy lợi, thấy thu được, không bao giờ thò tay lấy và xem xét một cách vô ý thức. Những trót hay người chỉ ưa hiểu biết thì gặp gì cũng ăn, cũng uống, rất nguy hiểm. Với những người như vậy tự nhiên cần phải có sự cấm cần; quy định rõ những điều nên làm và không nên làm.

Ý NGHĨA THỰC GIỚI

Chỉ các bậc Thánh A-la-hán trong đời mới phân biệt rõ ràng trí tuệ vô lậu rằng cái gì được hạnh, không được hạnh. Ngoài ra, các hàng phàm phu, kẻ tốt kẻ xấu thiện và loài người, bị trùm kín trong màn vô minh tăm tối, khó có thể nhìn rõ con đường trước mắt mình, nên đi theo lối nào; cũng không thể nhận rõ những gì là được hạnh; cho nên Phật chế giới, để theo đó mà hành trì. Vì vậy, các chúng đệ tử Phật, khi đã quy y Tam bảo, phải thọ trì các cấm giới.

Thực giới là sự phát nguyện một cách tự nguyện tuân theo những điều Phật cấm, để tu rèn luyện bản thân, tu tập thân và tu tập tâm, nâng cao phẩm chất đạo đức, giá trị hàng thế gian của con người của mình. Do sự phát nguyện này, phát nguyện đúng cách, đúng pháp, trong tâm thanh tịnh giới phát sinh một năng lực gọi là phòng hộ. Năng lực này được ví dụ như là bờ đê, ngăn chặn những dòng nước bản năng không cho chảy vào ao nham của sạch.

Tâm ta như hồ nước. Nước vốn trong sạch nhưng chung quanh nhiều rác; và thỉnh thoảng dòng nước đổ ra bên ngoài tràn vào làm vẩn đục, hồ trở thành đục bẩn và đục hôi. Cho nên, cần có bờ để ngăn lại dòng nước bẩn không chảy vào tâm. Vậy nên hiểu theo thí dụ: giò i là bờ để.

Làm thế nào để trở thành bờ để và giò cho vững chắc? Đó là ý nghĩa thực giò i và trì giò i.

Người không thực giò i Phật cũng có thể sống trên cuộc đời đời sống mong muốn. Nhưng đó là đời sống blem sinh, có tính phát. Giống như con nai hiền lành; và suốt đời cũng chỉ hiền lành như vậy, không có gì tiến bộ cao hơn. Trong người này không có năng lực phòng hộ; do đó không có sự tăng trưởng của giò i. Nói cách khác, người này sinh ra với tính thiện, như một giống tốt, quý hiếm, mà đức Phật kết trong kho, không mang ra gieo trồng thì không bao giờ thành cây, để cho hoa cho trái.

Mỗi tháng có 6 ngày thực giò i là ngày 8, 14, 15, 23, 29, 30. Hơn 8 ngày, nên thêm ngày 7 và 22.

Trong truyền thuyết tín ngưỡng của chúng ta, người đời tin rằng vào các ngày đó ma quỷ thường quấy nhiễu loài người, và cũng là những ngày mà Thiên đàng và bên vô Hình Thiên vương đi tuần hành nhân gian để giúp đỡ những ai làm điều thiện. Vì thế người đời bày ra chuyên dâng cúng phẩm vật, cúng khấn thần linh phò hộ, trả ma quỷ, ban cho nhiều điều phúc, nhiều tài lộc, may mắn. Người tin Phật không tin vào những chuyện huyền ảo. Thần thánh kiêu đó; chỉ tin vào những nghiệp thiện ác do chính mình làm, và những hậu quả lành đẹp của nó. Cho nên, thay vì cúng bái, cúng khấn, chúng ta tập bát quan trai giò i.

Một khác, người chưa sống thiện thì chưa thấy được tác động của ngày âm lịch. Người thiện qua nhiều thế hệ có kinh nghiệm nhận thấy rằng tính tình con người thường thay đổi theo từng mùa trăng, từng con trăng. Con trăng thay đổi, khi tròn khi khuyết, tánh tình theo đó cũng ít nhiều biến đổi, hiền hòa hơn hay hung dữ hơn; vui hơn hay đau khổ hơn. Thực giò i vào những ngày này có tác động rất lớn đối với sự tu tập thân tâm.

Ngày nay, đời sống hàng ngày tập trung vào các đô thị lớn, nhất là các nguy cơ thực địa ít khi biết

nên chu kỳ trăng không cần tính. Đời sống càng ngày càng xã hội hóa, tại các thành phố cũng có chu kỳ xã hội, cho nên đến ngày thứ Sáu, hay thứ Bảy trong tuần thì con người có cảm giác khác với các ngày thường khác, cảm giác ngày chủ nhật cũng khác lạ. Vì vậy không nhất thiết phải theo mùa trăng, mà ngày chủ nhật thì giời cũng đặc biệt.

Hiểu theo cách đơn giản thì giời phân làm hai loại. Một là giời thiên hình thể, tức phát nguyên từ trời thì trời suy nghĩ; cho đến khi chết thì giời thì được nghỉ. Họ cũng chưa chết, nhưng không còn tin tưởng, không còn thích thú trong việc trì hoãn, mà tự mình tuyên bố, nghỉ ngơi, hay bỏ Phết, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ y giới giới thì cũng mất.

Thứ hai là giời mất ngày mất đêm. Đó là giời cần trời. Sau khi trời, giời thì chỉ tồn tại luân lưu trong tâm tâm người thì mất ngày mất đêm, thì khi mất trời thì mất hôm nay đến mất trời mất hôm sau. Hết thì hiện này, giời thì được nghỉ.

Tại các thành phố lớn không thể tính thời gian mất ngày theo ánh sáng mất trời đặc biệt, mà phải tính theo thời gian của được nghỉ. Một khi được nghỉ của mất ngày đến thì giời bát quan trai có thể đến đến 6 giờ sáng hôm nay cho đến 6 giờ sáng hôm sau. Sau 24 giờ, dù có lên chùa làm lễ hay không, giời vẫn thì được nghỉ. Nếu có lên chùa làm lễ xong, đó chỉ là sự hội ngộ; tức nguy hiểm đem công đức trì hoãn mất ngày hoãn vào các nguy hiểm nào đó.

Giời bát quan trai không thể thể; mà cần phải thể thể mất Sa-di hay Tỳ kheo (nhi cũng đặc biệt).

NỘI DUNG TÁM GIỚI

Bát quan trai giới, là trai giới có 8 chi. Nội dung các chi, theo ý nghĩa, chia làm 4 phần.

1. **Giới từ tánh**, gồm có 4 chi: **sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ**. Nói là từ tánh, vì đó là phạm chết của bốn nhứt của con người. Một đi nhứt phạm phạm chết này thì cũng mất luôn giá trị làm người, mà đưa vào xu hướng thành hàng súc sinh, được vật thể phạm. Phạm xu hướng hay không xu hướng đến, 4 phạm phạm chết này là cần thiết để được tái sinh làm người. Tuy nhiên, khi có Phạm ra đời, quy định thành điều luật; và Phạm từ phát nguyên từ trời, bỏ y giới từ thân giới phát triển thành năng lực và phòng hộ, và nâng cao tâm của người thì trời hiện ng và Thánh đạo.

Bàn chi này là căn bản của ngũ giới. Có sự khác biệt trong 8 giới là không được dâm dục, trong khi năm giới chỉ tránh sự tà dâm. Do hiểu lầm của năm giới là thọ sự đời, mà trong 8 giới chỉ thọ một ngày một đêm, nên thọ của các giới này cũng có sự khác nhau. Như giới sát sanh. Trong năm giới, nó có giá trị phòng hộ để không bị báo ứng đau khổ về sau, là phòng báo trong loài người mà thôi. Trong 8 giới, nó không ngừng tăng cường năng lực phòng hộ, mà còn phát triển thành nhân tố tích cực, trở thành năng lực để tri thức não, chế ngự và diệt trừ tâm sân hận, từ đó dễ dàng chấp nhận các thí nghiệm, cao hơn nữa là các Thánh quả.

2. Một chi trọng phóng dật, là chi giới cấm uống rượu dùng các chất say; nhưng thọ khi nào cho tâm trở thành buông lung, không được kiềm soát. Trong năm giới, chỉ tránh uống rượu vì chỉ là sự phòng hộ không để say sưa, mất tự chủ, rồi dẫn đến phạm các giới khác. Trong 8 giới, chỉ tránh xa uống rượu này trở thành năng lực ngăn trở sự phóng dật, hay buông lung.

Phật dạy: có một pháp để niệm Niết bàn và có một pháp khi nào các người làm nô lệ cho ma quỷ tức ma quỷ, tức thọ. Một pháp, nếu ai thành tựu, có đầy đủ, ai có nó nằm ngay trong lòng mình, người có pháp đó sẽ không bao giờ thoát khỏi bàn tay của ma quỷ, của thọ. Đó là phóng dật, buông lung.

Còn một pháp thoát khỏi sự khống chế của ma quỷ đi tới cứu cánh an lạc, đó là không buông lung

Buông lung là sự buông thả, hay xao lãng, làm càn, làm dữ, không tự kiểm soát mình, là không tỉnh giác. Như học trò mù n thì đi. Ngày mai thi, bài học chưa thu, nhưng lại buông lung theo các các trò bóng đá, mà học quên là sự thí nghiệm. Đó là trạng thái buông lung không kiểm soát. Người có buông lung thì không làm gì nên nên sự nghiệp; luôn luôn thất bại.

Buông lung gồm có buông lung thân, buông lung tâm. Buông lung thân là thọ nào? Một một chút thì đi ngủ, ngủ học một chút buồn ngủ quá thì đi ngủ. Người tu người làm chu đáo mới được nhà chu đáo thì nghĩ rằng đã thay chuyển. Buông lung tâm là xao lãng, mất chánh niệm, suy nghĩ vì vòng, không tập trung tâm ý vào điếu thí nghiệm, nên cũng dễ dàng dẫn đến làm càn, làm dữ.

3. Hai chi ngăn trừ kiêu mạn. Một, tránh không ngạo mạn trên các thế giới ng tòa cao rộng. Hai, tránh trang sức các thế trang hoa, anh lệ, thoa phấn hương thơm; cũng tránh không ca múa, hát xướng, cớ ý xem nghe. Trong giới sa-di, hai chi này được phân thành ba, vì mục đích học tập chánh niệm.

Đầu tiên, giai cấp và địa vị xã hội là những tiêu chuẩn để phẩm giá trở nên đáng trọng. Ông hoàng đến khi vi hành, chỉ mang theo vài ba lính hầu, phải sống như dân dã; chúng ta ai sống, cũng chúng ta ai tôn kính. Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc mới khi ra khỏi hoàng cung đều có tiệp hô hầu ứng, gươm, giáo, tàn lọng; nhưng khi đến tinh xá hầu Phật; ông bắt hết tất cả đồ trang sức của vua chúa quy nạp, chỉ mình đi bộ đến giới đường, cúi lạy Phật. Không thể bước vào Thánh đạo với tâm kiêu mạn, với cảm thức quý nuy, giàu sang nào cả. Phật nói, như bên con sông lớn khi chảy vào biển cả, chỉ còn một vẻ mênh mông duy nhất; cũng vậy, đến có phân biệt bên giai cấp sang hèn khác nhau, nhưng khi bước vào Thánh đạo, tất cả hòa thành một hàng duy nhất, là hàng ngũ giải thoát.

4. Một chi là thế căn bát quan trai. Đó là chi không ăn phi thời, làm nên tịnh cho tất cả 8 giới. Do chi không ăn phi thời này mà bên chúng ta giới sát sinh, v.v., trong 5 giới khác với thế căn các chi trong 8 giới.

Chúng ta biết rằng, trong phong tục Trung hoa, khi một ông Vua muốn làm lễ thiên địa, thì trước đó phải dọn mình cho sạch sẽ bằng cách trai giới một tuần từ 10 ngày. Trai giới ở đây là kiêng cử rượu thịt và sắc dục.

Trong tục tôn giáo Vê-đà căn bản nhất, người gia chủ muốn làm dâng lễ Soma cho thần linh, trước hôm hành lễ cũng phải trai giới, tức không ăn chi cả.

Nhưng tục tôn giáo này tuy thu hút và tín ngưỡng, nhưng tính cộng đồng nguy hiểm **không** như hàng ngũ **đến vi phạm tu tập căn bản Phật tử**.

Nhưng, hàng ngũ ngày mà họ chọn để hành lễ thì quá thật có ý nghĩa.

Thực ra, trong xã hội nông nghiệp cổ xưa, các hiên triết hay đạo sĩ sống trong rừng, do quan sát tâm thức mình hay do tiếp xúc với dân chúng, họ nhận thấy, tâm thức con người vào những ngày này rất dễ bị tác động; hoặc do cấu trúc hàng ngày khác, hoặc do cảm thụ hoan hỷ hân. Nhưng vì không thể lý giải bằng ngôn ngữ căn bản lý trí, nên họ biểu hiện ý nghĩa đó qua tín

ngộ ngộ thọ n linh, ngộ tình trộ ng thay đợi tâm tính bợ t thọ ngộ nhợ vợ y là do ma quợ quợ y nhiợ u, hay do thọ n linh phợ trợ.

Vợ i Phợ tợ đợ thọ Tam quy Ngũ giới thì không có ngày nào là không tránh xa sợ sát sinh, trợ m cợ p, nói đợi, v.v.. Nhợ ng sợ tránh xa này chợ là trợ ng thái tiếu cợ c. Rợ i khi thọ trợ trai giới, tránh không ăn phi thọ i, thì sợ không ăn phi thọ i này chính là lợ c tác đợ ng khiợ n cho năng lợ c phòng hợ cợ a giới đợ đợ c tăng trợ ng. Vì vợ y, giới này cũng đợ đợ c gợ i là giới Trợ ng tợ nh. Vì sao? Ý nghĩa cũng đợ n giới n thôi. Ngợ đợi, sợ ăn và sợ uợ ng là mợ t phợ n cợ a sợ sợ ng cho nên không cợ m thọ y có gì khác lợ trong sợ ăn uợ ng hợ ng ngày. Nay thọ trợ trai giới, ý thọ c rợ ng tợ trợ a nay cho đợ n sáng mai, mình không ăn và chợ uợ ng nhợ ng thọ đợ đợ c quy đợ nh là nhợ pháp; do đợ mà trong tâm thọ ng trợ c hiợ n hành mợ t năng lợ c phòng hợ , tránh không ăn phi thọ i. Năng lợ c này làm nợ n tợ ng, cũng là làm chợ t xúc tác, đợ cho năng lợ c phòng hợ cợ a các giới khác tợ nhiên luân lợ u và tăng trợ ng. Do đợ, nợ u ngợ i thọ trợ giới bát quan trai mà ăn phi thọ i, thì thọ cợ a trai giới tợ đợ ng hợ y.

Mợ t khác, vợ i ngợ đợi, bợ a ăn chiợ u tợ i là chính. Trong đợ, không chợ ăn uợ ng, tiợ c tùg, hợ ng thọ các thọ vợ t đợ c, các lợ c thú trợ n gian; mà đợ còn là các mợ i quan hợ xã hợ i, là cợ hợ i giao tiợ p, bàn bợ c các công viợ c làm ăn, thiợ n có ác có. Nói cách khác, đợ là thọ i gian thọ t chợ t các sợ i giấy ràng buợ c cợ a xã hợ i. Mợ t ngày tránh ăn phi thọ i, là thọ thọ i tránh xa nhợ ng quan hợ ràng buợ c xã hợ i nhợ vợ y. Chính do sợ tránh xa này mà ngợ đợi thọ i gia cợ m nghiợ m đợ đợ c ý nghĩa viợ n ly, rõ đợ đợ c giá trợ cợ a sợ giới thoát khợ i nhợ ng buợ c ràng thọ tợ c. Đợ chính là khợ i đợ u cợ a Thánh đợ o. Cho nên, giới này cũng đợ đợ c gợ i là giới cợ n trợ ; là giới mà năng lợ c phòng hợ đợ n ngợ đợi thọ trợ đi gợ n đợ n Thánh đợ o.

Vợ i ý nghĩa nhợ vợ y, sợ thọ trợ bát quan trai giới chính là thọ trợ sợ không ăn phi thọ i. Nhợ ng nghi thọ c khác, nhợ cúng đợ đợ ng ngợ trai, hay thọ ng kinh, bái sám, chợ là các hình thọ c hợ trợ cho giới thọ đợ đợ c vợ ng mợ nh. Đợ không phợ i là nhợ ng đợ u cợ t yợ u trong sợ thọ trợ bát quan trai giới.

Thợ i Phợ t, các cợ sĩ nhợ Ông Cợ p Cô Đợ c, hay Bà Tợ-xá-khợ, là nhợ ng nhà đợ i phú hợ ; có cợ nghiợ p gia sợ n to lợ n. Hợ vợ n thọ ng xuyên thọ trợ trai giới. Vào ngày thọ giới, hợ đợ n chùa xin giới vợ i mợ t vợ t khéo hay thọ khéo ni, sau đợ trợ vợ nhà, quợ n lý công viợ c làm ăn buôn bán nhợ thọ ng. Nhợ ng do sợ không ăn chiợ u, trong thân tâm hợ giới thọ tợ nhiên luân lợ u trợ n mợ t ngày đêm.

Đa sợ ngợ đợi thọ giới vì thói quen ăn chiợ u nên muợ n đợ đợ c chiêm chợ c. Thọ c là xin đợ đợ c ăn cháo, hay các thọ bợ t ngũ cợ c cho đợ đợi. Làm nhợ vợ y thì sợ thọ trợ trai giới không còn ý

nghĩa là trì giới, mà chỗ là việc làm lành để cứu phước thôi. Thốt ra, nhơn đời mỗi ngày, chúng ta biết gì. Trái lại, nhơn thế này nhơn đó, người thì sợ thọ ý ích lợi vô cùng của giới pháp này. Tất nhiên, chúng ta ai có hành mà có hiểu.

TĂNG TRƯỞNG THIỀN CĂN

Trong các thiền căn, thứ nhất là tín tâm, thứ hai là tinh tấn. Tinh tấn chính là nhiếp lòng, nó là gốc rễ của thiền căn, không có nhiếp lòng, không phát triển thiền căn được.

Tinh tấn hiểu là siêng. Siêng thì ai cũng siêng được, vì người đời sống thì cần phải làm việc chứ người không đời sinh chán, người xem TV hoài, thích thú máy rồi cũng có lúc mệt mỏi, chán chường. Siêng năng như vậy không phải là tinh tấn.

Người tinh tấn là người có nhiếp lòng. Nhiều người có nghĩ nhiếp lòng là làm việc gì đó lao nhọc bắt buộc phải trả công phụ. Dù làm việc đó hay không cũng phải giữ vững quy tắc tâm, phải kiên trì; tiếp tục như cho tôi chuyện đó, đã quy tắc như thế không bỏ. Đó là nhiếp lòng cần được huấn luyện. Phải đi, đi một nhiếp lòng. Có nhiều người khi học thì hăng hái, dũng mãnh. Rồi sau đó thì nguôi dần, cho đến khi thôi học. Tất nhiên mỗi sự đều có lý do bên ngoài; đều có cái lý tại vì, hay bởi vì. Chính các sự được dần dần ra đời bên ngoài cho sự thoái thốt của mình vậy nuôi dưỡng sự buông lung trong ta mỗi ngày một lớn.

Một nhiếp lòng, thì tín tâm rồi cũng sẽ mất; các pháp thiền cũng bị xao lãng và dần dần đi đến chỗ đoạn tuyệt. Cho nên, có tín thì phải có tấn, có nhiếp lòng thì phải có thọ tập trung chú ý, tức có niệm. Có niệm, có thọ tập trung chú ý, mới có nhiếp thọ đúng, chân chính; thọ có huân.

Làm thế nào để phát triển các thiền căn này, là tín, tấn, niệm, nhiếp, huân?

Học thọ tập thọ trì bát quan trai giới để gần gũi đời sống mà với A-la-hán, để có chánh tín nơi Thánh đạo, biết rõ có con đường thánh, có con đường ra khỏi thế gian cho mình đi.

Tinh tìn là nghê lộc. Niệm, tức chánh niệm, không xao lãng pháp thiện, không quên bỏ mục đích thiện thiện của đời mình.

Niệm thông thường có niệm tin. Niệm là nhớ, suy nghĩ, tức suy nghĩ cho đời chánh niệm. Trong tu bát quan trai giới, người Phật tử thọ giới được khuyến khích nên tu tập pháp môn niệm niệm tức tức niệm niệm chiêm nghiệm và suy niệm. Đó là : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, niệm Thiên. Đây cũng là một phần của việc tu dưỡng.

Niệm Phật, là niệm những phẩm tính của Phật. Phật là đáng đời giác, đã diệt trừ phiền não, được toàn vẹn, không còn tham sân si; Phật là đấng giác ngộ, Chánh biến tri, là đấng Giác ngộ hoàn toàn... 10 hiệu của Phật.

Niệm Phật là nghĩ đến những đức của Phật, đức bi, đức trí, đức tu học không phải chỉ niệm mà không biết gì.

Niệm Pháp là niệm những lời dạy của đức Phật. Pháp của đức Thế Tôn khéo nói, khéo giảng dạy; pháp đó vẹn thành tựu, lý đức, nếu mình thực hành thì có hiệu quả ngay, đem an lạc ngay trong hiện tại; pháp mà Phật giảng dạy là đời đời mà thực, đem đến những niềm vui, chứ không phải xa xa mà nghe. Nếu không thực hành, không thực hành thì không thể hiểu được. Đó là tính chất Pháp của Phật giảng dạy.

Niệm Tăng. Tăng là chúng đệ tử của Phật, những vị đang đi trên con đường thánh đạo, đang thực tập, là phạm Tăng hoặc là thánh Tăng đang hướng đến Niết bàn hay chúng đệ tử của Niết bàn, có thể những vị Tăng trong thế gian. Niệm Phật, Pháp, Tăng đều có chánh tín rằng có Thánh đạo ngay trong cõi đời này.

Niệm Thí là suy niệm về sự thực hành bố thí có hiệu quả. Ở thế gian thực tập hành thí xả; xả bỏ tiền tài, danh vọng, không tham lam chấp trước tài sản.

Niệm Giới là suy niệm làm thế nào giới không bị khuyết, không bị vi phạm, không bị sát hại, không bị hoen ố, không bị ô nhiễm như viên ngọc, phẩm chất trong sáng.

Niêm Thiên là suy niệm rỗng ngoài cõi ngũ i này còn có cõi tr i, th giới i c a thiên th n, xa h n n a có th giới i c a B Tát, c a Ph t, ít nh t là trên cõi ngũ i còn có nh ng th giới i cao h n con ng i.

N u vun tr ng đ c thi n căn, c b n là thành t u đ c bát quan trai giới, nó s phát sinh ra hi u qu mình s th y, mình c m nh n đ c Ph t Pháp vi di u, đ a mình lên đ i s ng cao h n, càng th y ph m giá mình càng lúc càng lên cao.

Ph t pháp không là kh i th gian. Đi u đó có nghĩa Ph t pháp chính là s s ng. Hi u Ph t pháp là hi u l s ng c a mình. S ng ph i bi t m c đích s ng, t i sao mình s ng, t i sao mình ch t. S ng c cu c đ i, làm ăn v t v lam lũ, may m n thì làm vua làm chúa, cu i cùng ch bi t đi v đâu; th thì u ng l m.

C u mong các Ph t t sau m t ngày th trì trai giới, th y mình đ c g n Thánh đ o h n m t b c.

Nguồn: Thuvienhoasen.org